

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Nậm Nhùn và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022, số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 về chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nậm Nhùn; số 2990/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2003/TTr-STNMT ngày 28/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Nậm

Nhìn và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn đối với 26 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 04 dự án, công trình.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 04 dự án, công trình.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 01 dự án, công trình.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình đối với 17 dự án, công trình.

(Có Biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích cụ thể của từng công trình, dự án kèm theo).

Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn
 - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
 - b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. Sở Tài nguyên và Môi trường
 - a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.
 - b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
4. Chủ đầu tư các công trình, dự án có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM
VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN NẬM
NHÙN VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN NẬM NHÙN**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích									
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường tiểu học và Trung học cơ sở xã Pú Đao	Xã Pú Đao	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,25 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,4 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,05 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,01 ha	0,46	DGD	0,71	DGD	Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023	Mở rộng khuôn viên nhà trường để mở rộng sân học tập môn giáo dục thể chất ngoài trời
2	Sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Van, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,76 ha; ; đất chưa sử dụng (CSD) 0,2 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,5 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,25 ha; đất giao thông (DGT) 0,14 ha	4,6	ONT	5,85	ONT	Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023	Điều chỉnh quy mô tăng diện tích sử dụng đất do bổ sung thêm vị trí bãi đỗ thải.
3	Đường đi khu sản xuất từ bản Táng Ngá đi Huổi Sớ	Xã Nậm Chà	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,8 ha; đất trồng lúa nương (LUN) 0,8 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,2 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,5 ha; đất sông suối (SON) 2,2 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 2,5 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,72 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 4,98 ha	15,0	DGT	17,2	DGT	Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023	Điều chỉnh quy mô tăng diện tích sử dụng đất do điều chỉnh vị trí cắt cua và bổ sung phạm vi đường mở mới
4	Sắp xếp, ổn định dân cư bản Nậm Pồ, xã Nậm Manh, bản Nậm Cười, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Manh, xã Hua Bum	Đất rừng phòng hộ (RPH) 9,5 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 11,93 ha	13,5	ONT	21,43	ONT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích và số lượng thành một dự án theo chủ chương đầu tư tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của HĐND tỉnh
II Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích									
1	Trụ sở làm việc Thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,1 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,9 ha	1,9	TSC	1,0	TCS	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm quy mô, ranh giới thực hiện dự án phù hợp với thiết kế dự án đã được phê duyệt sau khi đã được đo đạc chi tiết

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Thủy lợi bản Nậm Cười, xã Hua Bum	Xã Hua Bum	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,6 ha; đất sông suối (SON) 0,03 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,4 ha	1,4	DTL	1,03	DTL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án phù hợp với thiết kế dự án đã được phê duyệt sau khi đã được đo đạc chi tiết.
3	Khu xử lý rác thải trung tâm xã Mường Mỏ	Xã Mường Mỏ	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,4 ha	0,5	DRA	0,4	DRA	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án phù hợp với thiết kế dự án đã được phê duyệt sau khi đã được đo đạc chi tiết.
4	Đường vào khu sản xuất và bãi chăn thả gia súc tập trung xã Mường Mỏ	Xã Mường Mỏ	Đất chưa sử dụng (CSD) 3,36 ha; đất giao thông (DGT) 0,33 ha; đất chuyên trồng lúa (LUC) 0,01 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,31 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 1,79 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 2,32 ha	15,2	DGT	8,12	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm diện tích đất theo thiết kế được phê duyệt tại Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện sau khi được đo đạc chi tiết.
III	Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích								
1	Đường giao thông đến bản Nậm Vạc 1	Xã Nậm Ban	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,0 ha; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,1 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,2 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) 0,2 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 2,7 ha; đất giao thông (DGT) 2,8 ha	10,0	DGT	10,0	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh ranh giới thực hiện dự án để đảm bảo với thiết kế dự án đã được phê duyệt sau khi đã được đo đạc chi tiết.
IV	Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình								
1	Đường giao thông từ bản Pa Cheo đến nhóm Dền Thàng	Xã Hua Bum	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,1 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,2 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 5,05 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,0 ha			7,85	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
2	Kiên cố hóa đường giao thông từ bản Huổi Chát	Xã Nậm Chà	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,2 ha; đất chưa sử dụng (CSD)			2,4	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	xã Nậm Mạnh - Huổi Mẩn đến Trung tâm xã Nậm Chà		1,2 ha						
3	Kiên cố hóa đường đường giao thông từ Km43 đến trung tâm xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,51 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,02 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,09 ha; đất giao thông (DGT) 0,92 ha			3,54	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
4	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm (NHK) 1,0 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,2 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 2,48 ha			4,68	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
5	Đường giao thông vùng Quế, cây gỗ lớn xã Nậm Mạnh	Xã Nậm Mạnh	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,0 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,3 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 1,3 ha			3,6	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
6	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Pi (Nậm Vời, Pá Sập, Pá Đôn)	Xã Nậm Pi	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,02 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,02 ha; đất lúa nương (LUN) 0,02 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,06 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 2,76 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,0 ha			3,88	DNL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
7	Cứng hóa đường giao thông đến bản Nậm nghệ	Xã Hua Bum	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,9 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,0 ha			5,9	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
8	Thủy lợi cụm Nậm Chè, bản Hua Pàng, xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,4 ha; đất sông suối (SON) 0,03 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,4 ha			0,83	DTL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
9	Thủy lợi nhóm Dừa Vàng bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,2 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 1,5 ha			2,2	DTL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
10	Đường giao thông liên vùng từ bản Huổi Van - Nậm Lay xã Nậm Hàng - bản Nậm Cười xã Hua	Xã: Nậm Hàng, Hua Bum	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,0 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,0 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 17,99 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 13,36 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 2,0 ha			39,35	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Bum huyện Nậm Nhùn								
11	Cấp nước trung tâm xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,5 ha			1,0	DTL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
12	Thủy lợi bản Nậm Nghe, xã Hua Bum	Xã Hua Bum	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; Đất sông suối (SON) 0,03 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,4 ha			0,93	DTL	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
13	Đường nội đồng Nậm Xuân, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,24 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,76 ha			1,0	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
14	Đường nội đồng Nậm Mô, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,15 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,85 ha			1,0	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
15	Xử lý điểm tiềm ẩn, tai nạn giao thông đoạn Km23–Km24 (Đường tỉnh 127)	Xã Nậm Hàng và TT. Nậm Nhùn	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,13 ha; đất giao thông (DGT) 0,55 ha			1,68	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
16	Xây dựng hạ tầng các khu đất ở đô thị trục đường Lò Văn Hạc, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	Đất chưa sử dụng (CSD) 3,3 ha			3,3	ODT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	
17	Đường nội thị thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,4 ha; đất trụ sở cơ quan (TSC) 0,7 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,4 ha			1,5	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	